

Số: 8/TB-MTTQ-CQ

Điện Biên, ngày 23 tháng 7 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung năm 2024);

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; chi phí đăng thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến; Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài Hường dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản, quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thanh lý tài sản là xe ô tô của Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-MTTQ-CQ ngày 22/7/2026 của Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá để thực hiện đấu giá tài sản.

Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên thông báo

về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với nội dung sau:

### **1. Thông tin của người có tài sản đấu giá**

Tên đơn vị: Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên.

- Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Mã số thuế: 5600225156.

- Số điện thoại: 02153825095.

- Số tài khoản: 3713.0.1166364.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực X.

- Đại diện (bà): Lò Thị Minh Phượng - Chức vụ: Thủ trưởng cơ quan.

### **2. Thông tin tài sản đấu giá, giá khởi điểm và bước giá**

a) Xe ô tô Biển kiểm soát: 27A-006.93 (Biển mới cấp ngày 16/6/2026); BKS 27A-3063 (biển cũ); Nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: PAJERO GLV6; Loại xe: Ô tô con, 7 chỗ ngồi; Màu sơn: Xám; Số máy: 6G72NG8908; Số khung: RLA00V33V11000051; Năm sản xuất: 2001; Năm đưa vào sử dụng: 2001; Nước sản xuất: Việt Nam; xe cũ đã qua sử dụng.

b) Xe ô tô Biển kiểm soát: 27A-006.94 (Biển mới cấp ngày 16/6/2026); BKS 27A-3666 (biển cũ); Nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: PAJERO; Loại xe: Ô tô con, 7 chỗ ngồi; Màu sơn: Vàng xám; Số máy: 6G72TJ1409; Số khung: RLA00V33V71000134; Năm sản xuất: 2007; Năm đưa vào sử dụng: 2007; Nước sản xuất: Việt Nam; xe cũ đã qua sử dụng.

**\* Tổng giá khởi điểm: 65.470.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn), trong đó:

- Xe ô tô BKS: 27A-006.93 (BKS cũ: 27A-3063) là : **30.620.000 đồng**.

- Xe ô tô BKS: 27A-006.94 (BKS cũ: 27A-3666) là : **34.850.000 đồng**.

*(Giá khởi điểm nêu trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) và các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản. Người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật).*

### **\* Bước giá tối thiểu:**

- Xe ô tô BKS: 27A-006.93 (BKS cũ: 27A-3063) là : **5.000.000 đồng**.

- Xe ô tô BKS: 27A-006.94 (BKS cũ: 27A-3666) là : **7.000.000 đồng**.

### **3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với tài sản trên.

- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

*(Có bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản kèm theo)*

#### **4. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ đăng ký thực hiện tổ chức đấu giá tài sản:**

- Thời gian: Trong thời hạn 04 ngày làm việc tính từ ngày thông báo (nộp trong giờ hành chính, ngày làm việc).

- Địa điểm: Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên.

- Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Điện thoại liên hệ: 0819395668 (đồng chí Nguyễn Tiến Dũng, Phó Chánh Văn phòng Cơ quan).

- Hình thức: Nộp trực tiếp *(không nhận hồ sơ qua đường bưu điện)*. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

**Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên thông báo để các Tổ chức đấu giá biết đăng ký tham gia./.**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

#### ***Nơi nhận:***

- Đăng tải Cổng đấu giá tài sản quốc gia (<https://dgts.moj.gov.vn>);

- Trang thông tin điện tử Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên (<http://mttqdienbien.org.vn>);

- Niêm yết theo quy định;

- Lưu: VT:

**Lò Thị Minh Phượng**

## **BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

*(Kèm theo Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số 8/TB-MTTQ-CQ ngày 17/2026 của Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên)*

| TT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                   | MỨC TỐI ĐA         |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>CÓ TÊN TRONG DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN DO BỘ TƯ PHÁP CÔNG BỐ</b>                                                                                                                                                                                  |                    |
| 1.        | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                             | Đủ điều kiện       |
| 2.        | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                       | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b> | <b>CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ CẦN THIẾT BẢO ĐẢM CHO VIỆC ĐẤU GIÁ ĐỐI VỚI LOẠI TÀI SẢN ĐẤU GIÁ</b>                                                                                                                                                                      | <b>19,0</b>        |
| 1.        | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                    | <b>10,0</b>        |
| 1.1       | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                                | 5,0                |
| 1.2       | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                       | 5,0                |
| 2.        | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                                                                                                          | <b>5,0</b>         |
| 2.1       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                 | 2,0                |
| 2.2       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                                 | 3,0                |
| 3.        | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên<br>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp | <b>2,0</b>         |
| 4.        | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến                                                                                                                           | <b>1,0</b>         |
| 5.        | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                               | <b>1,0</b>         |

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                  | MỨC TỐI ĐA  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>III</b> | <b>PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ KHẢ THI, HIỆU QUẢ</b> ( <i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i> )                                                                     | <b>16,0</b> |
| <b>1.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                        | <b>4,0</b>  |
| 1.1        | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                                | 2,0         |
| 1.2        | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                        | 2,0         |
| <b>2.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                   | <b>4,0</b>  |
| <b>3.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                 | <b>4,0</b>  |
| 3.1        | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>                                                                                                                         | 2,0         |
| 3.2        | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>                                                                          | 2,0         |
| <b>4.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>          | <b>4,0</b>  |
| <b>IV</b>  | <b>NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM VÀ UY TÍN CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN</b>                                                                                              | <b>57,0</b> |
| <b>1.</b>  | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</b> | <b>15,0</b> |
| 1.1        | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                               | 12,0        |
| 1.2        | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                        | 13,0        |
| 1.3        | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                        | 14,0        |
| 1.4        | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>                                                                                                                                         | 15,0        |
| <b>2.</b>  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</b>                                                                  | <b>7,0</b>  |
| 2.1        | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>                                                                                 | 4,0         |
| 2.2        | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                            | 5,0         |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | MỨC TỐI ĐA |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6,0        |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7,0        |
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                           | <b>7,0</b> |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0        |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0        |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6,0        |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7,0        |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | <b>3,0</b> |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0        |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                          |            |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                 |            |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày <u>Luật đấu giá tài sản</u> có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                        | <b>7,0</b> |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0        |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | MỨC TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,0        |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6,0        |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7,0        |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>4,0</b> |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,0        |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0        |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0        |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <a href="#">05/2005/NĐ-CP</a> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <a href="#">17/2010/NĐ-CP</a> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo <a href="#">Luật đấu giá tài sản</a> hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo <a href="#">Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản</a>)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | <b>4,0</b> |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2,0        |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3,0        |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0        |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>5,0</b> |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0        |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4,0        |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0        |
| 9.  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>5,0</b> |

| TT                  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | MỨC TỐI ĐA |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|                     | <b>việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |
| 9.1                 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3,0        |
| 9.2                 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4,0        |
| 9.3                 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5,0        |
| <b>V</b>            | <b>TIÊU CHÍ KHÁC PHÙ HỢP VỚI TÀI SẢN ĐẤU GIÁ DO NGƯỜI CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ QUYẾT ĐỊNH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8,0        |
| <b>1</b>            | <b>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá</b><br><b>- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản (đấu giá thành từ 10 Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trở lên trên địa bàn tỉnh Điện Biên)</b> | <b>2,0</b> |
| <b>2</b>            | <b>Tổ chức hành nghề đấu giá có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Điện Biên</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>4,0</b> |
| <b>3</b>            | <b>Tiêu chí khác: Tổ chức hành nghề đấu giá đóng các loại thuế trên địa bàn tỉnh Điện Biên</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>2,0</b> |
| <b>TỔNG SỐ ĐIỂM</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>100</b> |

#### **Ghi chú:**

1. Tiêu chí đánh giá chấm điểm tại Phụ lục này không bao gồm tài sản đấu giá là biển số xe theo quy định của [Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ](#) và tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức tự nguyện đấu giá.

2. Cuộc đấu giá thành quy định tại mục 1, mục 2, mục 3 và mục 4 phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá có ít nhất một tài sản đấu giá thành. Cuộc đấu giá không thành quy định tại mục 1 Phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá không có tài sản nào đấu giá thành và thuộc trường hợp quy định tại Điều 52 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 33 và điểm q khoản 45 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản.

3. Năm trước liền kề tại mục 4 phần II, mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 9 phần IV Phụ lục này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

4. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/01 đến ngày 31/3 hàng năm thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước của năm liền kề. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/4 hàng năm trở đi thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước liền kề.

5. Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Công đấu giá tài sản quốc gia trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

6. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.